

Bản án số: 67/2023/HC-ST
Ngày 11-8-2023
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
và hành vi hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Bích Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy
- Ông Đỗ Trọng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông
Cần Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H và điểm cầu thành phần tại Trung tâm Hội nghị thành phố H xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án thụ lý số 42/2023/TLST-HC ngày 02 tháng 3 năm 2023 về khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2023/QĐXXST-HC ngày 30 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2023/QĐST-HC ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Bùi Tiến L; địa chỉ: Thôn 3 (thôn 4 cũ), xã NL, huyện TN, thành phố H. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Trần Thị Thuỳ L - Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn La Haye thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện TN và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TN, thành phố H; địa chỉ: Số 5, đường ĐN, thị trấn ND, huyện TN, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Đinh Chính Q; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TN; là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 3 năm 2023). Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Đào Văn N - Phó trưởng phòng - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TN, thành phố H. Vắng mặt.

- Ông Cao Thắng - Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện TN, thành phố H. Vắng mặt.

- Ông Phạm Gia B - Phó Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất huyện TN, thành phố H. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn L - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã NL, huyện TN, thành phố H. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Trọng T - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TN, thành phố H. Có mặt.

- Ông Hoàng Xuân K - Nhân viên Trung tâm phát triển quỹ đất huyện TN, thành phố H. Vắng mặt.

- Ông Trần Văn L - Công chức địa chính - xây dựng xã NL, huyện TN, thành phố H. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Lơ; địa chỉ: Thôn 3 (thôn 4 cũ), xã NL, huyện TN, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 02 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện thống nhất trình bày:

Ông Bùi Tiến L là chủ sử dụng diện tích 224,2m² đất tại thôn 4, xã NL, huyện TN, thành phố H; đất có nguồn gốc do Hợp tác xã Hồng Thủy giao cho ông L theo biên bản ngày 16 tháng 5 năm 1982. Ngày 17 tháng 8 năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện TN ban hành Quyết định thu hồi đất số 5721/QĐ-UBND thu hồi 42,5m² đất mà gia đình ông L đang sử dụng để thực hiện Dự án đầu tư cải tạo đường tỉnh lộ 359 đoạn từ xã Thủy Triều đến đường trục giao thông khu đô thị và công nghiệp Bến Rừng tại xã NL, huyện TN, thành phố H. Khi Ủy ban nhân dân huyện TN ban hành phương án bồi thường, xác định diện tích 42,5m² đất nêu trên của gia đình ông L là đất hành lang giao thông nên không được bồi thường về đất và chỉ bồi thường 30% giá trị vật kiến trúc trên đất.

Do không đồng ý với quyết định nêu trên, ông Bùi Tiến L đã có đơn kiến

ngợi gửi Ủy ban nhân dân huyện TN. Tại Công văn số 389/UBND-TNMT ngày 24 tháng 02 năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện TN trả lời kiến nghị của 06 hộ gia đình (trong đó có hộ ông L) về việc bồi thường đất ở đối với đất thuộc hành lang giao thông, bồi thường 100% đơn giá áp dụng cho vật kiến trúc là không có cơ sở để chấp nhận.

Do nhận thấy các quyết định trên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, ông Bùi Tiến L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TN.

- Hủy một phần Công văn số 389/UBND-TNMT ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện TN về việc trả lời kiến nghị của một số hộ gia đình, cá nhân tại xã NL khi thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư cải tạo đường tỉnh 359, đoạn qua xã NL.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện TN bồi thường về đất ở đối với diện tích 42,5m² đất bị thu hồi của gia đình ông Bùi Tiến L và bồi thường 100% vật kiến trúc trên đất cho gia đình ông theo đúng đơn giá đất thành phố H quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện có ý kiến trình bày:

Ngày 18 tháng 10 năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện TN ban hành Quyết định số 7393/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 42,5m² đất của hộ ông Bùi Tiến L để thực hiện Dự án đầu tư cải tạo đường 359. Tuy nhiên, do hộ ông L không tự nguyện bàn giao mặt bằng và không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Vì vậy, ngày 28 tháng 3 năm 2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TN ban hành Quyết định số 1973/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất. Việc ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định cưỡng chế thu hồi đất đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Sau đó, do hộ ông L đã nhận tiền bồi thường và tự nguyện bàn giao mặt bằng; vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện TN không thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ ông L theo Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022.

Diện tích đất mà hộ ông L đang sử dụng có nguồn gốc là một phần của thửa đất sản xuất kinh doanh của Hợp tác xã Hồng Thủy được Ủy ban nhân dân huyện TN giao sử dụng vào năm 1985. Do hoạt động của Hợp tác xã Hồng Thủy kém hiệu quả; vì vậy, ngày 03 tháng 5 năm 1989, Ủy ban nhân dân huyện TN đã ban hành Quyết định số 287-QĐ/UB thu hồi lại toàn bộ phần đất của Hợp tác xã Hồng Thủy và giao lại cho Ủy ban nhân dân xã NL quản lý.

Theo Mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/500 do Trung tâm Kỹ thuật - Dữ liệu thông tin Tài nguyên và Môi trường lập, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23 tháng 12 năm 2020 thì tổng diện tích đất ông Bùi Tiến L được sử dụng là 224,2m², diện tích đất bị thu hồi là 42,5m². Hộ ông Bùi Tiến L

sử dụng đất nêu trên vào mục đích làm nhà ở nhưng không cung cấp được giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ. Tuy nhiên, do ông L sử dụng đất liên tục, ổn định, không có tranh chấp. Vì vậy được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 20 và 22 Nghị định số 43/NĐ-CP của Chính phủ.

Căn cứ Quyết định số 287-QĐ/UB của Ủy ban nhân dân huyện TN có đủ cơ sở khẳng định ông L được sử dụng thửa đất trên từ sau ngày 03 tháng 5 năm 1989 tức là sau thời điểm Nghị định số 203-HĐBT ngày 21 tháng 12 năm 1982 về việc ban hành điều lệ bảo vệ đường bộ có hiệu lực.

Trước năm 2006, đường 359 được xác định là quốc lộ 10, sau đó được đổi thành tỉnh lộ theo Quyết định số 273/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải. Theo quy định tại Nghị định số 203-HĐBT và các văn bản có liên quan, sau khi điều chỉnh từ quốc lộ xuống tỉnh lộ thì tỉnh lộ 359 có hành lang an toàn giao thông là 21m. Vì vậy, toàn bộ chi giới thu hồi đất của hộ ông L nằm trong hành lang bảo vệ đường giao thông.

Trên cơ sở nguồn gốc sử dụng đất của hộ ông L, căn cứ quy định tại Điều 82 và Điều 92 của Luật Đất đai năm 2013, hộ ông L không được bồi thường về đất và vật kiến trúc trên đất. Tuy nhiên, để giảm bớt khó khăn cho các hộ dân thuộc diện thu hồi đất để thực hiện các dự án trên địa bàn thành phố, căn cứ Văn bản số 601/UBND-TH ngày 29 tháng 4 năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện TN lập phương án hỗ trợ công trình, vật kiến trúc cho hộ ông L là có lợi cho hộ ông L.

Từ những phân tích trên, Ủy ban nhân dân huyện TN không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lơ không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự về cơ bản đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự và người tham gia tố tụng khác theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Việc Ủy ban nhân dân huyện TN ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án

bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Bùi Tiến L là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 66 và Điều 69 của Luật Đất đai.

Diện tích 42,5m² đất mà hộ ông L bị thu hồi có nguồn gốc của Hợp tác xã Hồng Thủy được Ủy ban nhân dân huyện TN giao quyền sử dụng tại Quyết định số 218 ngày 05 tháng 4 năm 1985. Sau đó, do Hợp tác xã Hồng Thủy hoạt động kém hiệu quả nên năm 1989, Ủy ban nhân dân huyện TN đã thu hồi đất và giao lại cho các hộ gia đình sử dụng. Như vậy, thời điểm ông L được giao quyền sử dụng đất là sau thời điểm Nghị định số 203-HĐBT ngày 21 tháng 12 năm 1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành điều lệ bảo vệ đường bộ có hiệu lực. Căn cứ quy định của Nghị định trên và các văn bản do Sở Giao thông công chính và Sở Giao thông Vận tải thành phố H ban hành thì toàn bộ diện tích đất bị thu hồi của ông L nằm trong hành lang bảo vệ giao thông và không thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bồi thường về đất cũng như vật kiến trúc trên đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tiến L.

Đối với yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện về việc tạm ngừng phiên tòa để thu thập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của ông L vào năm 2001 và 2003 là không cần thiết nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tiến L không được chấp nhận. Tuy nhiên, ông L là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30 của Luật Tố tụng hành chính. Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện TN và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TN, thành phố H. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện gồm ông Đào Văn N, ông Cao Thắng, ông Phạm Gia B, ông Nguyễn Văn L, ông Hoàng Xuân K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người trên theo quy định tại khoản 2 Điều 157 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi

kiện đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện TN cung cấp hồ sơ thu hồi đất và bồi thường về đất ở của ông Bùi Tiến L vào năm 2001 và năm 2003. Tuy nhiên, phía người bị kiện khẳng định không có hồ sơ thu hồi đất đối với hộ ông L trong giai đoạn trên; mặt khác, Hội đồng xét xử xét thấy đây không phải là tài liệu, chứng cứ mà không thu thập thì không thể giải quyết được vụ án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 187 của Luật Tổ tụng hành chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện về việc tạm ngừng phiên tòa.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 28 tháng 3 năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện TN ban hành Quyết định số 1973/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất; ngày 24 tháng 02 năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện TN ban hành Công văn số 389/UBND-TNMT về việc trả lời kiến nghị một số hộ gia đình, cá nhân tại xã NL khi thu hồi đất thực hiện Dự án Đầu tư cải tạo đường tỉnh 359, đoạn qua xã NL (trong đó có hộ của ông Bùi Tiến L). Vì vậy, ngày 13 tháng 02 năm 2023, ông Bùi Tiến L gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố H là vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[5] Tuy ông Bùi Tiến L chỉ khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022 và Công văn số 389/UBND-TNMT ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện TN. Tuy nhiên, việc đánh giá tính hợp pháp của các văn bản trên có liên quan đến Quyết định số 7393/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện TN về thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng, Quyết định số 9112/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TN về việc cưỡng chế thu hồi đất (thay thế Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022), Quyết định số 7394/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2021 và Quyết định số 2733/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện TN về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư cải tạo đường 359 (trong đó có phương án bồi thường, hỗ trợ của hộ ông L). Vì vậy, để việc giải quyết vụ án đảm bảo toàn diện, đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đánh giá tính hợp pháp của toàn bộ các quyết định trên.

[6] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tiến L về việc hủy Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TN, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

[7] Ngày 30 tháng 10 năm 2019, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 2626/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng cải tạo đường 359 đoạn từ xã Thủy Triều đến đường trục giao thông khu đô thị và công nghiệp Bến Rừng, huyện TN; ngày 02 tháng 7 năm 2021, Ủy ban nhân dân thành

phố H ban hành Quyết định số 1856/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện TN. Để triển khai thực hiện các quyết định trên của Ủy ban nhân dân thành phố H, Ủy ban nhân dân huyện TN đã ban hành Quyết định số 7393/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2021 với nội dung thu hồi diện tích 49,4m² đất do hai hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (trong đó diện tích đất của ông L là 42,5m²) để thực hiện Dự án đầu tư cải tạo đường 359 đoạn từ xã Thủy Triều đến trục đường giao thông Khu đô thị và công nghiệp Bến Rừng, huyện TN (đoạn qua địa phận xã NL). Diện tích đất bị thu hồi tại thửa số 27, tờ bản đồ số 7 theo Mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/500 do Trung tâm Kỹ thuật - Dữ liệu thông tin Tài nguyên và Môi trường đo vẽ, được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H thẩm định ngày 23 tháng 12 năm 2020.

[8] Trước khi ban hành quyết định thu hồi đất, Ủy ban nhân dân huyện TN đã ban hành Thông báo số 721/TB-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc thu hồi đất. Tuy việc ban hành quyết định thu hồi đất chưa đảm bảo đúng thời hạn chậm nhất là 180 ngày kể từ ngày có thông báo thu hồi đất đối với đất phi nông nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 67 của Luật Đất đai nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người có đất bị thu hồi. Việc thu hồi đất với mục đích xây dựng đầu tư, cải tạo đường 359 là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013. Về thẩm quyền, Ủy ban nhân dân huyện TN ban hành quyết định thu hồi đất đối với ông Bùi Tiến L là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 của Luật Đất đai năm 2013.

[9] Do hộ ông Bùi Tiến L không chấp hành quyết định thu hồi đất mặc dù đã được vận động, thuyết phục. Vì vậy, ngày 28 tháng 3 năm 2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TN ban hành Quyết định số 1973/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất là phù hợp với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69 và khoản 3 Điều 71 của Luật Đất đai năm 2013. Do Quyết định 1973/QĐ-UBND có sai sót về căn cứ ban hành quyết định (đánh nhầm Quyết định thu hồi đất số 7393/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2021 thành Quyết định thu hồi đất số 5271/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2021). Vì vậy, ngày 05 tháng 5 năm 2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TN ban hành Quyết định số 9112/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi 42,5m² đất của hộ ông L; quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022.

[10] Việc ban hành Quyết định 9112/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 là do có sai sót trong quá trình soạn thảo văn bản, không làm thay đổi nội dung và bản chất của Quyết định số 1973/QĐ-UBND nên không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L. Mặt khác, sau khi nhận được Quyết định 1973/QĐ-UBND, ông L đã tự nguyện bàn giao mặt bằng để thực hiện Dự án. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông L về việc hủy Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TN là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[11] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tiến L về việc đề nghị Tòa án tuyên hủy một phần Công văn số 389/UBND-TNMT ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện TN về việc trả lời kiến nghị của một số hộ gia đình, cá nhân tại xã NL khi thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư cải tạo đường tỉnh 359, đoạn qua xã NL và yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện TN bồi thường về đất ở đối với diện tích 42,5m² đất bị thu hồi của gia đình ông Bùi Tiến L, bồi thường 100% vật kiến trúc trên đất cho gia đình ông theo đúng đơn giá đất thành phố H quy định, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

[12] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Diện tích 224,2m² đất (trong đó có 42,5m² đất bị thu hồi) mà hiện tại ông L đang sử dụng có nguồn gốc là một phần của diện tích 3.590m² đất do Ủy ban nhân dân huyện TN giao cho Hợp tác xã Hồng Thủy sử dụng theo Quyết định số 218 ngày 05 tháng 01 năm 1985. Trên cơ sở đơn đề nghị của Ban Quản lý Hợp tác xã Hồng Thủy về việc trả lại đất cho xã NL, ngày 03 tháng 5 năm 1989, Ủy ban nhân dân huyện TN ban hành Quyết định số 287/QĐ-UB về việc thu hồi đất sử dụng kém hiệu quả của Hợp tác xã Hồng Thủy đóng tại xã NL để giao lại cho Ủy ban nhân dân xã NL quản lý đưa vào sử dụng theo quy định của Luật Đất đai.

[13] Quá trình giải quyết vụ án, ông L xuất trình cho Tòa án bản photo Biên bản chia đất ở đề ngày 16 tháng 5 năm 1982 với nội dung: Tổ hợp tác Hùng Thắng tiến hành chia đất cho từng hộ cá thể, trong đó ông L được sử dụng 300m². Theo lời trình bày của ông L, sau khi Hợp tác xã Hồng Thủy trả lại đất do sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, thửa đất này đã được giao lại cho Tổ hợp tác Hùng Thắng. Tuy nhiên, vào thời điểm lập biên bản chia đất nêu trên thì phần diện tích đất (trong đó có hộ ông L) chưa được Ủy ban nhân dân huyện TN giao cho Hợp tác xã Hồng Thủy sử dụng. Vì vậy, cần xác định thời điểm ông L được sử dụng đất phải sau ngày Ủy ban nhân dân huyện TN thu hồi đất của Hợp tác xã Hồng Thủy tức là sau thời điểm Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 203-HĐBT ngày 21 tháng 12 năm 1982 về việc ban hành điều lệ bảo vệ đường bộ.

[14] Biên bản chia đất ở đề ngày 16 tháng 5 năm 1982 do ông L giao nộp cho Tòa án chỉ là bản photo, không được xác định là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 82 của Luật Tố tụng hành chính. Quá trình giải quyết vụ án, ông L giao nộp cho Tòa án biên lai thu thuế nhà, đất hàng năm và cho rằng đây là căn cứ để chứng minh ông L là chủ sử dụng hợp pháp của diện tích đất trên. Tuy nhiên, biên lai thu thuế không phải là một trong các loại giấy tờ để Nhà nước xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 99 và Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và hướng dẫn tại Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

[15] Trước năm 2006, đường 359 được xác định là quốc lộ 10, đến ngày 23 tháng 01 năm 2006 được chuyển đổi thành tỉnh lộ 359 theo Quyết định số 273/QĐ-

BGTVT ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Ngày 11 tháng 12 năm 2014, Hội đồng nhân dân thành phố H ban hành Nghị quyết số 32/2014/NQ-HĐND về việc phê duyệt quy hoạch giao thông vận tải đường bộ thành phố H đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, trong đó xác định đường tỉnh lộ 359 quy mô cấp III, hai làn xe.

[16] Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 203-HĐBT ngày 21 tháng 12 năm 1982 của Hội đồng Bộ trưởng (là văn bản ban hành vào thời điểm đường 359 vẫn được xác định là quốc lộ 10) thì hành lang bảo vệ các công trình giao thông đường bộ đối với đường tỉnh từ mép chân mái đường đắp và từ mép đỉnh mái đường đào hoặc từ mép ngoài rãnh dọc hay rãnh đỉnh của đường trở ra hai bên, cụ thể là 20m đối với đường quốc lộ. Căn cứ vào Nghị định số 203-HĐBT, ngày 22 tháng 4 năm 1985, Ủy ban nhân dân huyện TN đã lập mặt bằng xây dựng Hợp tác xã công nghiệp Hồng Thủy, trong đó xác định hành lang giao thông tính từ tim đường đoạn qua phần đất giao cho Hợp tác xã Hồng Thủy là 20m.

[17] Theo Thông báo số 48-TB/UB ngày 09 tháng 7 năm 1994 của Ủy ban nhân dân huyện TN về việc tiếp tục thực hiện chỉ giới hành lang đường giao thông trên địa bàn huyện TN thì chỉ giới hành lang đường bộ đối với đường quốc lộ 10 (Bến Bính đi Phà Rừng), các đoạn qua các xã Tân Dương, Thủy Sơn, Thủy Đường, An Lư, Trung Hà, Thủy Triều, NL và Tam Hưng tính từ tim đường ra hai bên đường là 18,5m. Ngày 09 tháng 9 năm 1995, Sở Giao thông công chính thành phố H ban hành Công văn số 598-GTGT với nội dung: Đối với quốc lộ 10, phạm vi chỉ giới chiều rộng mặt cắt ngang là 52m tính từ chân taluy nền đường đắp ra mỗi bên là 20m, nếu tính từ tim đường ra mỗi bên là 26m.

[18] Theo Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng cải tạo đường 359 đoạn từ xã Thủy Triều đến đường trục giao thông Khu đô thị và công nghiệp Bến Rừng, huyện TN thì quy mô mặt cắt ngang đoạn 1 (Km9+778.80 - Km13+765.00 thuộc xã Thủy Triều và xã NL) dài 3.975m, quy mô mặt cắt ngang B=31,5m. Theo quy định tại điểm 8.1.1 mục 8.1 phần 8 Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam - đường đô thị, yêu cầu thiết kế được ban hành kèm theo Quyết định số 22/2007/QĐ-BXD ngày 20 tháng 5 năm 2007 của Bộ Xây dựng thì mặt cắt ngang đường đô thị gồm phần xe chạy, hè đường, lề đường, phân phân cách...

[19] Theo bản vẽ mặt cắt ngang điển hình qua xã Thủy Triều và NL thì mặt cắt ngang đường tỉnh lộ 359 gồm mặt đường, dải phân cách giữa và vỉa hè với quy mô là 31,5m (trong đó mặt đường là 20m, dải phân cách là 1,5m và vỉa hè mỗi bên là 05m). Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thì phần đất mà hộ ông L bị thu hồi đã được cải tạo thành vỉa hè của đường tỉnh lộ 359 và chiều dài tính từ tim đường đến hết phần diện tích đất mà hộ ông L bị thu hồi (theo Mảnh trích đo địa

chính) là 15,64m - chưa đủ chiều dài chỉ giới hành lang giao thông tính từ tim đường ra mỗi bên theo quy định tại Nghị định số 203-HĐBT ngày 21 tháng 12 năm 1982 của Hội đồng Bộ trưởng và các văn bản do Sở Giao thông công chính thành phố H và Ủy ban nhân dân huyện TN ban hành.

[20] Ông L không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đồng thời cũng không chứng minh được mình có đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với phần diện tích đất bị thu hồi. Thời điểm sử dụng đất của ông L được xác định là sau khi hành lang an toàn giao thông được công bố. Vì vậy, khi thu hồi 42,5m² đất để thực hiện dự án cải tạo đường 359, Ủy ban nhân dân huyện TN không lập phương án bồi thường về đất ở và phương án bồi thường 100% giá trị vật kiến trúc trên đất đối với ông L là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 75 và Điều 79 của Luật Đất đai năm 2013.

[21] Việc Ủy ban nhân dân huyện TN ban hành Quyết định số 7394/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2021 và Quyết định số 2733/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông L trên cơ sở Công văn số 601/UBND-TH ngày 29 tháng 4 năm 2016, Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2014, Quyết định số 324/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2015 và Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố H là có lợi cho hộ ông L. Vì vậy, Công văn số 389/UBND-TNMT ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện TN trả lời không chấp nhận kiến nghị của 06 hộ gia đình, cá nhân (trong đó có ông Bùi Tiến L) về các nội dung trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[22] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tiến L.

[23] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tiến L không được chấp nhận nhưng ông L là người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên) và có đơn đề nghị miễn án phí. Vì vậy, Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông L theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[24] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 30, 32, 116, 157, 162, 163, 193, 194, 206 và 348 của Luật Tổ tụng hành chính;

Các điều 62, 66, 67, 69, 71, 75, 79, 99, 100 và 101 của Luật Đất đai năm 2013;

Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tiến L về các nội dung sau:

- Hủy Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TN.

- Hủy một phần Công văn số 389/UBND-TNMT ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện TN về việc trả lời kiến nghị của một số hộ gia đình, cá nhân tại xã NL khi thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư cải tạo đường tỉnh 359, đoạn qua xã NL.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện TN bồi thường về đất ở đối với diện tích 42,5m² đất bị thu hồi của gia đình ông Bùi Tiến L và bồi thường 100% vật kiến trúc trên đất cho gia đình ông theo đúng đơn giá đất thành phố H quy định.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm cho ông Bùi Tiến L.

3. Về quyền kháng cáo:

Người khởi kiện có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP. H;
- Cục THADSTP. H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Bích Diệp

